

**ỦY BAN QUỐC GIA
VỀ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Số: 49 /QĐ-UDCNTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế làm việc của
Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN QUỐC GIA
VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin.

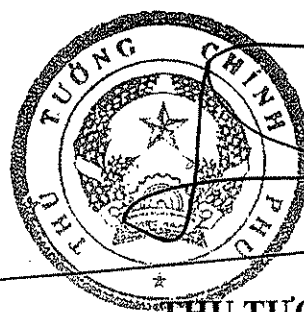
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, UDCNTT(3b). 160

CHỦ TỊCH



**THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng**

**UBND TỈNH BẮC GIANG
VĂN PHÒNG**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 389 /SY

Bắc Giang, ngày 30 tháng 7 năm 2014

Nơi nhận:

- Lưu: VT, TPVX2.

Bản điện tử:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + Trưởng các phòng, đơn vị.

**KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thanh Bình

QUY CHẾ

Làm việc của Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin
(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-UDCNTT ngày 25 tháng 7 năm 2014
của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin, Bộ phận giúp việc cho Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin và các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức là thành viên Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc

Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin (sau đây gọi tắt là Ủy ban) làm việc theo các nguyên tắc sau đây:

1. Ủy ban Quốc gia và các thành viên không làm thay chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan và người đứng đầu các cơ quan trong hệ thống chính trị.

2. Đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban trong hoạt động của Ủy ban và trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được phân công liên quan tới thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

3. Bảo đảm sự chủ động giải quyết nhiệm vụ của các thành viên Ủy ban và các Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ về thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

4. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN
CỦA CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN VÀ CÁC TỔ CHỨC

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban

1. Chỉ đạo toàn diện về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban; quyết định chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban.
2. Phân công nhiệm vụ các Ủy viên thường trực và các Ủy viên Ủy ban; chỉ đạo sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các thành viên Ủy ban.
3. Quyết định triệu tập và nội dung các cuộc họp của Ủy ban.

Điều 4. Phó Chủ tịch Ủy ban

1. Giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban; thay mặt Chủ tịch Ủy ban điều hành hoạt động và xử lý các công việc thường xuyên của Ủy ban.
2. Giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo thực hiện các chương trình, chiến lược quốc gia liên quan đến công nghệ thông tin; chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
3. Giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương, các Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ, ngành, địa phương ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.
4. Phê duyệt danh sách Ủy viên Ủy ban.

Điều 5. Các Ủy viên thường trực Ủy ban

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:
 - a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về các vấn đề kỹ thuật, công nghệ liên quan tới ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;
 - b) Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án quốc gia về công nghệ thông tin, bảo đảm tính hiệu quả, lồng ghép và đồng bộ với các chiến lược, chương trình khác;
 - c) Tổ chức việc nghiên cứu, đề xuất các yêu cầu về cơ chế chính sách để thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Trên cơ sở yêu cầu về cơ chế chính sách của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành, địa phương, chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách nhà nước nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước và trong xã hội;

b) Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan Trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

c) Chủ trì, phối hợp với lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương để cân đối, bảo đảm bố trí kinh phí thường xuyên từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các chương trình, đề án, dự án và các hoạt động về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước; đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên cho các hoạt động trên.

3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trên cơ sở yêu cầu về cơ chế chính sách của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành, địa phương, chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đầu tư nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước và trong xã hội;

b) Chỉ đạo lồng ghép các nội dung về công nghệ thông tin trong xây dựng chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

c) Chủ trì, phối hợp với lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương huy động, cân đối các nguồn vốn hợp pháp cho hoạt động đầu tư phát triển thuộc các chương trình, đề án, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; bảo đảm việc bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thuộc nhiệm vụ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách về giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Điều 6. Các Ủy viên Ủy ban

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban:

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về việc tham mưu các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thuộc phạm vi của ngành, lĩnh vực do cơ quan mình phụ trách;

b) Thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban trong lĩnh vực được giao; chỉ đạo lồng ghép các nội dung về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của ngành, lĩnh vực do cơ quan mình quản lý, chủ trì thực hiện; chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để xử lý những vấn đề có liên quan đến ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

c) Tham vấn các vấn đề quan trọng khác có liên quan đến ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

d) Tham dự đầy đủ các phiên họp Ủy ban; cùng tập thể Ủy ban xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ủy ban; chịu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện các ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban liên quan đến lĩnh vực Bộ, ngành và địa phương mình phụ trách;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ủy ban theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

2. Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ:

a) Làm đầu mối chuẩn bị các cuộc họp của Ủy ban, Thường trực Ủy ban, các cuộc làm việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban;

b) Ký các thông báo, biên bản họp của Ủy ban, Thường trực Ủy ban và các văn bản liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ủy ban theo chức năng và thẩm quyền được giao;

c) Thực hiện nhiệm vụ phát ngôn của Ủy ban và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định của pháp luật.

3. Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Tham mưu, đề xuất các chủ trương, giải pháp và biện pháp thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

b) Giúp Ủy viên thường trực - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban giao;

c) Chỉ đạo tổ chức các hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá, hội thảo, hội nghị để thu thập thông tin, số liệu, ý kiến phục vụ cho việc tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách, giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

4. Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ thông tin; từng bước làm chủ và sáng tạo ra công nghệ cho chế tạo sản phẩm quốc gia theo các giai đoạn và hàng năm;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về công nghệ thông tin; lồng ghép các nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về công nghệ thông tin vào các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án liên quan.

5. Lãnh đạo Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo việc phát triển lĩnh vực thương mại điện tử;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành công nghiệp.

6. Lãnh đạo Bộ Y tế:

Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện các chủ trương, giải pháp về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong lĩnh vực khám, chữa bệnh và bảo hiểm y tế.

7. Lãnh đạo Bộ Nội vụ:

a) Chỉ đạo việc lồng ghép các nội dung về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các chương trình, hoạt động cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng theo các giai đoạn và hàng năm;

b) Chỉ đạo và tổ chức nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, giải pháp về sử dụng, tuyển dụng và chính sách đãi ngộ với cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước; biện pháp tổ chức, hoạt động hệ thống các cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương; hành lang pháp lý của việc gửi, nhận và lưu trữ văn bản điện tử.

8. Lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

Tổ chức nghiên cứu, chỉ đạo triển khai công tác ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng, góp phần bảo vệ vững chắc hạ tầng mạng trọng yếu quốc gia.

9. Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng:

a) Chủ trì, phối hợp với các Ủy viên thường trực tham mưu, đề xuất các ý kiến liên quan đến hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan của Đảng;

b) Giúp Ủy ban phối hợp các hoạt động giữa Ủy ban với các cơ quan của Đảng; báo cáo, giải trình và đề xuất các nội dung về công nghệ thông tin tới Ban Bí thư, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bảo đảm việc xây dựng và triển khai đồng bộ các nội dung về công nghệ thông tin giữa các cơ quan của Đảng và Chính phủ và trong các văn kiện của Đảng.

10. Lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương:

Phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị các báo cáo, giải trình và đề xuất các nội dung về công nghệ thông tin tới Ban Bí thư, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng; tham gia ý kiến về các chiến lược, chương trình, đề án, dự án quan trọng về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

11. Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội:

a) Làm đầu mối gắn kết hoạt động của Ủy ban với Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội; tham mưu tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của Ủy ban với Văn phòng Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội;

b) Phối hợp xây dựng và giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về công nghệ thông tin và các nội dung liên quan đến công nghệ thông tin.

12. Tổng Thư ký Ủy ban:

a) Tham mưu, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban về kế hoạch hoạt động của Ủy ban; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban, tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động của Ủy ban;

b) Giúp Ủy ban đôn đốc việc thực hiện các Kết luận của Ủy ban, Thường trực Ủy ban, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban;

c) Làm đầu mối phối hợp công tác với Hội đồng tư vấn của Ủy ban.

Điều 7. Bộ phận giúp việc cho Ủy ban

1. Văn phòng Chính phủ là cơ quan giúp việc cho Ủy ban, có trách nhiệm:

a) Tổng hợp các báo cáo, tài liệu và triển khai phục vụ các hoạt động của Ủy ban; chuẩn bị nội dung các phiên họp, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban;

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban đôn đốc việc thực hiện những quyết định, kết luận tại các kỳ họp của Ủy ban;

c) Phối hợp và hỗ trợ hoạt động của Hội đồng tư vấn;

d) Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, các Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin các Bộ, ngành, địa phương cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ủy ban;

đ) Lưu giữ hồ sơ tài liệu liên quan đến hoạt động của Ủy ban.

2. Các Ủy viên thường trực được thành lập bộ phận giúp việc đặt tại cơ quan mình.

Điều 8. Hội đồng tư vấn của Ủy ban

1. Hội đồng tư vấn được thành lập theo yêu cầu công việc cụ thể. Thành viên Hội đồng tư vấn là đại diện một số tổ chức và các chuyên gia trong và ngoài nước, được mời làm việc theo nhiệm vụ và có thời hạn.

2. Hội đồng tư vấn chủ động đề xuất hoặc góp ý về các nội dung chuyên môn theo yêu cầu của Ủy ban.

Chương III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 9. Các cuộc họp của Ủy ban

1. Ủy ban họp phiên toàn thể định kỳ một năm một lần.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban quyết định triệu tập họp đột xuất. Thành phần tham dự cuộc họp đột xuất do Chủ tịch Ủy ban quyết định.

2. Thường trực Ủy ban họp 6 tháng một lần. Thành phần tham dự cuộc họp bao gồm: Chủ tịch Ủy ban, Phó Chủ tịch Ủy ban, các Ủy viên thường trực và Tổng Thư ký Ủy ban.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban quyết định triệu tập cuộc họp đột xuất các Ủy viên thường trực, Tổng Thư ký Ủy ban và một số Ủy viên Ủy ban, đại diện các cơ quan liên quan tới vấn đề cần bàn, quyết định được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban triệu tập.

3. Chủ tịch Ủy ban quyết định triệu tập cuộc họp mở rộng có sự tham gia của người đứng đầu cơ quan chủ trì thực hiện chiến lược, chương trình, đề án, dự án có liên quan đến ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

4. Văn phòng Chính phủ chuẩn bị chương trình, nội dung và các điều kiện cần thiết cho cuộc họp của Ủy ban; gửi tài liệu đến các đại biểu tham dự ít nhất 05 ngày làm việc trước cuộc họp.

Điều 10. Chế độ làm việc và cơ chế phối hợp

1. Các thành viên Ủy ban làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
2. Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban định kỳ hoặc đột xuất làm việc với Ủy viên Ủy ban, Bộ phận giúp việc cho Ủy ban để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban.
3. Các Ủy viên thường trực, Ủy viên Ủy ban có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực mình phụ trách để phối hợp với Bộ phận giúp việc cho Ủy ban thực hiện các nhiệm vụ có liên quan; báo cáo Chủ tịch Ủy ban về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Điều 11. Chế độ thông tin báo cáo

1. Các thành viên Ủy ban báo cáo Chủ tịch Ủy ban theo các hình thức: Báo cáo trực tiếp, báo cáo bằng văn bản, báo cáo thông qua các phiên họp định kỳ và đột xuất của Ủy ban. Nội dung báo cáo gồm những vấn đề sau đây:

- a) Tình hình thực hiện những công việc thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;
- b) Nội dung và kết quả các hội nghị, cuộc họp khi được Chủ tịch Ủy ban ủy quyền tham dự hoặc chỉ đạo các hội nghị đó;
- c) Kết quả làm việc và những kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương, đối tác hoặc khi tham gia làm việc với các đoàn nước ngoài cũng như ở nước ngoài.

2. Các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan chủ trì thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án có liên quan đến công nghệ thông tin chịu trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo (khuyến khích hình thức gửi báo cáo qua đường thư điện tử công vụ) định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 7), hàng năm (trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo) hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban.

Nội dung báo cáo phải phân tích, đánh giá, tổng kết việc quản lý và triển khai thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án; phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến thực hiện chiến lược; báo cáo phải trung thực, chính xác, phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả đạt được.

3. Bộ phận giúp việc cho Ủy ban có trách nhiệm xây dựng báo cáo 6 tháng và báo cáo năm về hoạt động của Ủy ban, gửi xin ý kiến các Ủy viên Ủy ban trước khi trình Chủ tịch Ủy ban.

Điều 12. Kinh phí hoạt động của Ủy ban

1. Kinh phí hoạt động của Ủy ban được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Văn phòng Chính phủ để bảo đảm các hoạt động của Ủy ban, Hội đồng tư vấn và Bộ phận giúp việc cho Ủy ban. Văn phòng Chính phủ quản lý kinh phí hoạt động của Ủy ban, Hội đồng tư vấn của Ủy ban và Bộ phận giúp việc cho Ủy ban theo quy định của Nhà nước.

2. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động của Ủy ban thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp có phát sinh các nội dung chi đặc thù chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính để xem xét hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cuối năm tổng hợp quyết toán kinh phí hoạt động của Ủy ban vào quyết toán ngân sách hàng năm của Văn phòng Chính phủ theo quy định.

Điều 13. Quan hệ công tác giữa Ủy ban với Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin các Bộ, ngành, địa phương

Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các trách nhiệm sau đây:

1. Quán triệt các nội dung chỉ đạo của Ủy ban để đôn đốc, triển khai thực hiện các nội dung ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thuộc cơ quan, ngành, lĩnh vực mình phụ trách; phối hợp với Bộ phận giúp việc cho Ủy ban đề xuất, kiến nghị các cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước;

2. Giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của mình có liên quan đến công tác ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định và yêu cầu của Ủy ban.

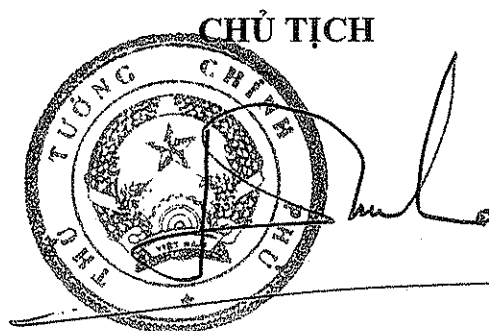
Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các Ủy viên thường trực Ủy ban, các Ủy viên Ủy ban và Bộ phận giúp việc cho Ủy ban thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban, có những vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, do Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định./

CHỦ TỊCH

The image shows the official seal of the National Assembly of Vietnam, which is circular and contains a five-pointed star in the center. The words "TƯỞNG" and "CHÍNH" are visible on the left and right sides of the seal respectively. To the right of the seal is a handwritten signature in black ink.

THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng